

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ**



**KHOA RĂNG HÀM MẶT**

**LIÊN BỘ MÔN NHA CƠ SỞ - NHA CÔNG CỘNG**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**NĂM 2019**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (GIẢI PHẪU RĂNG)**

### **1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN**

Mã học phần: RH0210, RH0211

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 1

Thực hành: 2

Phân bố thời gian (tiết): 78

Lý thuyết: 18

Thực hành: 60

Số giờ tự học (tiết): 90

Đối tượng người học (dự kiến): *SV RHM năm thứ 3*

Học phần tiên quyết: không

Học phần học trước: không

Học phần song hành: Mô phôi răng miệng, sinh học miệng, vật liệu thiết bị nha khoa, mô phỏng lâm sàng.

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Liên bộ môn Nha cơ sở - Nha công cộng - Khoa RHM.

### **2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Giải phẫu răng (GPR) là môn nha khoa cơ sở có vai trò nền tảng, quan trọng trong mối quan hệ với các môn học khác. Học phần giới thiệu cho người học về kiến thức về lịch trình mọc răng và đặc điểm giải phẫu của bộ răng sữa và bộ răng vĩnh viễn và phân tích mối quan hệ giữa răng với các thành phần hệ thống nhai nói riêng và sức khỏe toàn thân nói chung. Về thực hành giải phẫu răng giúp cho người học trực tiếp nhận biết được các chi tiết giải phẫu thông qua quá trình vẽ và điêu khắc răng bằng thạch cao.

### **3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE OBJECTIVES – COs)**

**Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:**

1. Hiểu được các đặc điểm chung về hình thể và sự sắp xếp ăn khớp của bộ răng.
2. Mô tả đặc điểm giải phẫu, lịch trình mọc và thay răng của từng răng.
3. Vẽ và điêu khắc một răng đại diện cho mỗi nhóm răng của hệ răng vĩnh viễn.

### **4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES - CLOs)**

<b>TT</b>	<b>Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)</b>	<b>Thang đánh giá Bloom</b>	<b>Mức độ</b>
<b>CLO1</b>	Chỉ được các chi tiết giải phẫu trên răng bằng các thuật ngữ tương ứng.	<i>Kiến thức</i>	4
<b>CLO2</b>	Phân tích mối liên quan của một răng với bộ răng và với cả hệ thống nhai, mối liên hệ giữa mặt nhai các răng trong tư thế lồng múi.	<i>Kiến thức</i>	3
<b>CLO3</b>	Vẽ, điều khắc hình dạng răng với kích thước phóng đại theo quy định.	<i>Kỹ năng</i> <i>Thái độ</i>	4

\* Tổng nhất chung 1 HP: 3 - 7 chuẩn đầu ra

## **5. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

### **LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH CHUNG**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>		
		<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Tự học</b>
Bài 1	Thuật ngữ giải phẫu răng	2	0	4
Bài 2	Hình thể, sự sắp xếp ăn khớp của bộ răng	2	0	4
Bài 3	Các yếu tố tự bảo vệ của bộ răng vĩnh viễn	2	0	4
Bài 4	Đặc điểm giải phẫu bộ răng vĩnh viễn	2	25	10
Bài 5	Đặc điểm giải phẫu từng nhóm răng của hệ răng vĩnh viễn	6	35	24
Bài 6	Đặc điểm giải phẫu bộ răng sữa	2	0	10
Bài 7	Đặc điểm giải phẫu từng nhóm răng của hệ răng sữa	0	0	14
Bài 8	Những điểm khác nhau cơ bản của bộ răng sữa và răng vĩnh viễn	2	0	20
	<b>TỔNG</b>	18	60	90

## **6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC**

**Phương pháp dạy: Giảng lý thuyết, thực hành**

**Phương pháp học: học LT, thực hành, tự học**

### **6.1. Phương pháp giảng dạy**

- **Lý thuyết:** thuyết trình, đưa tình huống lâm sàng, giải quyết theo vấn đề, chia nhóm thảo luận, hướng dẫn làm chuyên đề báo cáo theo nhóm.

- **Thực hành cơ sở: làm mẫu, xem video**

### **6.2. Phương pháp học tập của người học**

- **Học LT:** sinh viên lên lớp nghe giảng, đặt câu hỏi
- **Thực hành:** thực tập vẽ hình, tô bóng trên giấy, điêu khắc răng bằng khối thạch cao

### **6.3. Phương pháp tự học và hướng dẫn tự học**

- **tự học:** đọc tài liệu trước khi lên lớp, học nhóm, thực hiện chuyên đề
- **Hướng dẫn tự học:** cho câu hỏi nhỏ và chuyên đề

## **7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC**

**7.1. Tài liệu giảng dạy** Bộ môn Nha cơ sở - nha công cộng, Khoa RHM, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Giáo trình Giải phẫu răng.*

### **7.2. Tài liệu tự học:**

1. Hoàng Tử Hùng (2005), *Giải phẫu răng*, NXB Y học.
2. Stanley Nelson, *Wheeler's Dental Anatomy, Physiology and Occlusion*, 9<sup>th</sup> Edition (2010), WB.Saunders Co, Philadelphia.
3. Rashmi G S, *Text book of Dental Anatomy, Physiology and Occlusion* , 1st Edition (2014), Jaypee Brothers Medicine Publishers LTD.

### **7.3. Tài liệu tham khảo thêm:**

1. Arnold Hohmann, Werner Hielscher (2014), *Foundations of Dental Technology Anatomy and Physiology*, Quintessence Publishing Co Inc
2. Rickne C. Scheid, Gabriela Weiss (2017), *Woel el's dental anatomy*, Ninth Edition, Wolters Kluwer
3. Stanley J. Nelson (2015), *WHEELER'S Dental Anatomy, Physiology, and Occlusion*, Tenth Edition, Mosby, an imprint of Elsevier Inc.

## **8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ**

**8.1. Thang điểm đánh giá:** Đánh giá theo thang điểm 10, phòng đào tạo đại học và sau đại học sẽ chuyển đổi điểm theo thang điểm 4

**8.2. Phương pháp kiểm tra tự học:** (Nêu cụ thể phương pháp kiểm tra/ đánh giá tự học như thế nào)

<b>Hoạt động</b>	<b>Hình thức đánh giá</b>	<b>Công cụ đánh giá</b>	<b>Tỷ lệ</b>
------------------	---------------------------	-------------------------	--------------

<b>Học nhóm</b>	Bài kiểm tra	Rubric 1	20%
<b>Chuyên đề</b>	Trình chuyên đề	Rubric 2	50%
<b>Tình huống lâm sàng</b>	Phân tích ca lâm sàng	Rubric 2	30%

### 8.3. Phương pháp đánh giá học phần

		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
<b>Đánh giá quá trình</b>	<b>Chuyên cần</b>	<i>Điểm danh</i>	Rubric 1	10%
	<b>Kiểm tra thường xuyên</b>	<i>Trắc nghiệm</i>	Rubric 2	30%
		<i>Seminar</i>		
		<i>Kiểm tra tại lớp</i>		
		<i>Kết quả tự học</i>		
.....				
<b>Kết thúc học phần</b>	<b>Thi kết thúc</b>	<i>Trắc nghiệm</i> <i>Tự luận</i>	Rubric 3	60%

## 9. MA TRẬN

### 9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs \ CLOs	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>CLO1</b>	S	M	M	H	S	H	L	M	L
<b>CLO2</b>	M	H	S	S	M	H	S	S	S
<b>CLO3</b>	H	M	M	S	H	S	M	H	M

Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra

### 9.2. Ma trận tương thích phương pháp dạy – học và chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp Dạy – học \ CLOs	(1)	(2)	(3)	(4)
Bài 1	H	H	H	
Bài 2	H	H	H	
Bài 3	N	H	N	

Bài 4	H	H	H	
Bài 5	H	H	H	
Bài 6	H	H	H	
Bài 7	H	S	N	
Bài 8	H	S	N	

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

### 9.3. Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra học phần

<b>CLOs</b>	(1)	(2)	(3)	(4)
<b>Phương pháp Kiểm tra đánh giá</b>				
<i>Seminar</i>	H	H	N	
<i>Kiểm tra tại lớp</i>	H	H	N	
<i>Kết quả tự học</i>	H	H	H	
<i>tự luận</i> <i>trắc nghiệm</i>	H	H	N	

### 9.4. Ma trận tương thích nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra học phần

<b>CLOs</b>	(1)	(2)	(3)	(4)
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	H	H	H	
Bài 2	H	H	H	
Bài 3	N	H	N	
Bài 4	H	H	H	
Bài 5	H	H	H	
Bài 6	H	H	H	
Bài 7	H	S	N	
Bài 8	H	S	N	

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

### 9.5. Ma trận thể hiện phương pháp dạy học và nội dung dạy học

<b>PP Dạy học</b>	<b>Thuyết trình</b>	<b>Seminar</b>	<b>Tình huống lâm sàng</b>	<b>....</b>
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	X			
Bài 2	X	X	X	
Bài 3	X			
Bài 4	X	X		
Bài 5	X	X		
Bài 6	X			
Bài 7		X		
Bài 8	X		X	

### 9.6. Ma trận thể hiện phương pháp kiểm tra đánh giá và nội dung dạy học

PP Kiểm tra đánh giá	MCQ	Đánh giá tự học	Câu hỏi nhỏ	....
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	X			
Bài 2	X	X		
Bài 3	X		X	
Bài 4	X			
Bài 5	X	X		
Bài 6	X			
Bài 7		X		
Bài 8	X		X	

## CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

### *Rubric 1: Đánh giá điểm chuyên cần*

STT		Tỷ lệ %	Điểm chuyên cần	
1	Số tiết trễ	< 10,0	9,5	
2		10,0 - < 20,0	9,0	
3		20,0 - < 30,0	8,5	
4		30,0 - < 40,0	7,5	
5		40,0 - < 50,0	6,5	
6		≥ 50,0	5,0	
7	Số tiết vắng	< 10,0	9,0 (P)	7,5 (KP)
8		10,0 - < 20,0	8,0 (P)	5,0 (KP)
9		20, 0 - < 25,0	7,5 (P)	0,0 (KP)
10		≥ 25,0	<i>Cấm thi lý thuyết</i>	

### *Rubric 2: Bảng điểm seminar*

Mức	Trọng số	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm		>8	6.5 – 7.9	5.0 – 6.4	3.5 – 4.9	<3.5
Hình thức bài trình	10%	Đẹp, lưu loát	Đẹp, không lưu loát	Không đẹp, không lưu loát	Không đẹp, không lưu loát	Không đẹp, không lưu loát
Nội dung bài trình	60%	Tự tin, nhanh	Chưa tự tin	Chậm	Rất chậm	Rất chậm

Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi thảo luận	30%	Tích cực đưa ra vấn đề cần giải quyết, trả lời đúng yêu cầu	Tích cực đưa ra vấn đề cần giải quyết, trả lời chưa đúng yêu cầu	Không đưa ra vấn đề cần giải quyết, trả lời chưa đúng yêu cầu	Không đưa ra vấn đề cần giải quyết, trả lời chưa đúng yêu cầu	Không đưa ra vấn đề cần giải quyết, trả lời chưa đúng yêu cầu
--	-----	---	--	---	---	---

**Rubric 3: Đánh giá kết thúc học phần**

Loại kiểm tra	Căn cứ đánh giá	Điểm				
		>8	6.5 – 7.9	5.0 – 6.4	3.5 – 4.9	<3.5
<b>Tự luận</b>	Dựa vào tỷ lệ % trả lời đúng nội dung yêu cầu	Trả lời đúng 75-100% nội dung	Trả lời đúng 60-75% nội dung	Trả lời đúng 50-60% nội dung	Trả lời đúng 25 - 50% nội dung	Trả lời đúng < 25% nội dung
<b>Trắc nghiệm</b>	Dựa vào tỷ lệ % trả lời đúng nội dung yêu cầu	Trả lời đúng 85-100% số câu	Trả lời đúng 70-85% số câu	Trả lời đúng 60-70% số câu	Trả lời đúng 40 - 60% nội dung	Trả lời đúng < 40% nội dung

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (MÔ PHÔI RĂNG MIỆNG)**

### **1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN**

Mã học phần: RH0208

Tổng số tín chỉ: 1

Lý thuyết: 1

Thực hành: 0

Phân bố thời gian (tiết): 18

Lý thuyết: 18

Thực hành: 0

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng người học (dự kiến): *SV RHM năm thứ 3*

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Giải phẫu răng

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Liên bộ môn Nha cơ sở - Nha công cộng - Khoa RHM.

### **2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành. Học mô phôi răng miệng giúp sinh viên hiểu được những qui luật và hiện tượng chung về quá trình hình thành và phát triển của mầm răng, mô răng, mô nha chu..., qua đó nắm được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình này nhằm giải thích các bất thường của mô răng, nha chu, miệng. Ngoài ra học phần còn trang bị kiến thức cho sinh viên về các hiện tượng mọc và thay răng cùng với nhịp độ phát triển của bộ răng, các lưu ý lâm sàng liên quan đến mô học để có kỹ năng tốt hơn trong các lĩnh vực chuyên môn liên quan: chữa răng, nha chu, chỉnh hình...

### **3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE OBJECTIVES – COs)**

**Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:**

1. Mô tả được các giai đoạn hình thành và phát triển cấu trúc mô học của răng, mô quanh răng
2. Phân tích được các diễn biến về hình thái học của từng giai đoạn mọc răng.
3. Phân tích những lưu ý lâm sàng liên quan đến mô học răng, quanh răng.

### **4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES - CLOs)**

<b>TT</b>	<b>Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)</b>	<b>Thang đánh giá Bloom</b>	<b>Mức độ</b>
-----------	---	-----------------------------	---------------

<b>CLO1</b>	Trình bày được quá trình hình thành và phát triển của mầm răng, mô răng, mô nha chu	<i>Kiến thức</i>	3
<b>CLO2</b>	Phân tích các bất thường hình thái răng, nha chu liên quan đến mô học	<i>Kiến thức</i> <i>Thái độ</i>	3
<b>CLO3</b>	Phân tích các lưu ý về mặt lâm sàng trong các lĩnh vực điều trị liên quan đến mô học	<i>Kiến thức</i> <i>Thái độ</i>	3

\* Tổng nhất chung 1 HP: 3 - 7 chuẩn đầu ra

## 5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

### LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH CHUNG

STT	Nội dung	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Bài 1	Sự hình thành, phát triển của mầm răng	1	0	2
Bài 2	Thành phần, cấu tạo mầm răng	2	0	2
Bài 3	Sự mọc răng và thay răng	2	0	4
Bài 4	Men răng: Nguyên bào men - Phương thức tạo men - Quá trình trưởng thành	2	0	4
Bài 5	Ngà răng: nguyên bào ngà, tạo ngà - đặc điểm cấu trúc, thành phần.	2	0	4
Bài 6	Tủy răng: Sự hình thành - Cấu trúc - Chức năng	2	0	4
Bài 7	Mô xung quanh răng: hình thành – cấu trúc- chức năng	3	0	4
Bài 8	Ứng dụng lâm sàng	2	0	2
Bài 9	Phôi - Mô học và vấn đề di chuyển răng	2	0	2
	<b>TỔNG</b>	18	0	30

## 6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

**Phương pháp dạy:** Giảng lý thuyết, thực hành

**Phương pháp học:** học LT, thực hành, tự học

### 6.1. Phương pháp giảng dạy

- **Lý thuyết:** thuyết trình, đưa tình huống lâm sàng, giải quyết theo vấn đề, chia nhóm thảo luận, hướng dẫn làm chuyên đề báo cáo theo nhóm.

- **Thực hành cơ sở:** làm mẫu, xem video

### 6.2. Phương pháp học tập của người học

- **Học LT:** sinh viên lên lớp nghe giảng, đặt câu hỏi
- **Thực hành:** thực tập vẽ hình, tô bóng trên giấy, điêu khắc răng bằng khối thạch cao

### 6.3. Phương pháp tự học và hướng dẫn tự học

- **tự học:** đọc tài liệu trước khi lên lớp, học nhóm, thực hiện chuyên đề
- **Hướng dẫn tự học:** cho câu hỏi nhỏ và chuyên đề

## 7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

**7.1. Tài liệu giảng dạy** Bộ môn Nha cơ sở - nha công cộng, Khoa RHM, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Giáo trình Mô phôi răng miệng.*

### 7.2. Tài liệu tự học:

1. Bộ môn Nha cơ sở - nha công cộng, Khoa RHM, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Giáo trình Mô phôi răng miệng.*
2. Hoàng Tử Hùng (2005), *Mô phôi răng miệng*, NXB Y học.
3. D.H. Enlow, M.G. Hans (1996), *Essential of facial growths*, W.B. Saunders.
4. J. K Avery (2002), *Oral Development and Histology*, 3<sup>rd</sup> Edition, Thieme Medical Publishers, Inc., New York.

### 7.3. Tài liệu tham khảo thêm:

1. Trần Ngọc Quảng Phi (2019), *Mô phôi miệng hàm mặt ứng dụng*, NXB Y học
2. Antonio Nanci (2012), *Ten Cate's Oral Histology: Development, Structure, and Function*, Mosby
3. Barry K.B Berkovitz, G. R. Holland, Bernard J. Moxham ( 2009), *Oral Anatomy, Histology and Embryology*, Mosby

## 8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

**8.1. Thang điểm đánh giá:** Đánh giá theo thang điểm 10, phòng đào tạo đại học và sau đại học sẽ chuyển đổi điểm theo thang điểm 4

**8.2. Phương pháp kiểm tra tự học:** (Nêu cụ thể phương pháp kiểm tra/ đánh giá tự học như thế nào)

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
-----------	--------------------	------------------	-------

<b>Học nhóm</b>	Bài kiểm tra	Rubric 1	20%
<b>Chuyên đề</b>	Trình chuyên đề	Rubric 2	50%
<b>Tình huống lâm sàng</b>	Phân tích ca lâm sàng	Rubric 2	30%

### 8.3. Phương pháp đánh giá học phần

		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
<b>Đánh giá quá trình</b>	<b>Chuyên cần</b>	<i>Điểm danh</i>	Rubric 1	10%
	<b>Kiểm tra thường xuyên</b>	<i>Trắc nghiệm</i>	Rubric 2	30%
		<i>Seminar</i>		
		<i>Kiểm tra tại lớp</i>		
		<i>Kết quả tự học</i>		
.....				
<b>Kết thúc học phần</b>	<b>Thi kết thúc</b>	<i>Trắc nghiệm</i> <i>Tự luận</i>	Rubric 3	60%

## 9. MA TRẬN

### 9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs \ CLOs	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>CLO1</b>	S	M	M	H	S	H	L	M	L
<b>CLO2</b>	M	H	S	S	M	H	S	S	S
<b>CLO3</b>	H	M	M	S	H	S	M	H	M

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

### 9.2. Ma trận tương thích phương pháp dạy – học và chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp Dạy – học \ CLOs	(1)	(2)	(3)
Bài 1	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 2	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 3	<b>N</b>	<b>H</b>	<b>N</b>
Bài 4	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>

Bài 5	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 6	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 7	<b>H</b>	<b>S</b>	<b>H</b>
Bài 8	<b>H</b>	<b>S</b>	<b>H</b>
Bài 9	<b>N</b>	<b>N</b>	<b>H</b>

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

### 9.3. Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra học phần

<b>CLOs</b>	(1)	(2)	(3)
<b>Phương pháp Kiểm tra đánh giá</b>			
<i>Seminar</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>N</b>
<i>Kiểm tra tại lớp</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>N</b>
<i>Kết quả tự học</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
<i>tự luận trắc nghiệm</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>N</b>

### 9.4. Ma trận tương thích nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra học phần

<b>CLOs</b>	(1)	(2)	(3)
<b>Bài giảng</b>			
Bài 1	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 2	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 3	<b>N</b>	<b>H</b>	<b>N</b>
Bài 4	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 5	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 6	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 7	<b>H</b>	<b>S</b>	<b>N</b>
Bài 8	<b>H</b>	<b>S</b>	<b>N</b>
Bài 9	<b>H</b>	<b>N</b>	<b>N</b>

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

### 9.5. Ma trận thể hiện phương pháp dạy học và nội dung dạy học

<b>PP Dạy học</b>	<b>Thuyết trình</b>	<b>Seminar</b>	<b>Tình huống lâm sàng</b>	<b>....</b>
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	<b>X</b>			
Bài 2	<b>X</b>	<b>X</b>		
Bài 3	<b>X</b>			
Bài 4	<b>X</b>	<b>X</b>		
Bài 5	<b>X</b>	<b>X</b>		
Bài 6	<b>X</b>			
Bài 7	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	
Bài 8	<b>X</b>			
Bài 9	<b>X</b>		<b>X</b>	

### 9.6. Ma trận thể hiện phương pháp kiểm tra đánh giá và nội dung dạy học

PP Kiểm tra đánh giá	MCQ	Đánh giá tự học	Câu hỏi nhỏ	....
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	X			
Bài 2	X	X		
Bài 3	X		X	
Bài 4	X			
Bài 5	X	X		
Bài 6	X			
Bài 7		X		
Bài 8	X		X	
Bài 9	X		X	

### CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

#### *Rubric 1: Đánh giá điểm chuyên cần*

STT		Tỷ lệ %	Điểm chuyên cần	
1	Số tiết trễ	< 10,0	9,5	
2		10,0 - < 20,0	9,0	
3		20,0 - < 30,0	8,5	
4		30,0 - < 40,0	7,5	
5		40,0 - < 50,0	6,5	
6		≥ 50,0	5,0	
7	Số tiết vắng	< 10,0	9,0 (P)	7,5 (KP)
8		10,0 - < 20,0	8,0 (P)	5,0 (KP)
9		20, 0 - < 25,0	7,5 (P)	0,0 (KP)
10		≥ 25,0	<i>Cấm thi lý thuyết</i>	

#### *Rubric 2: Bảng điểm seminar*

Mức	Trọng số	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm		>8	6.5 – 7.9	5.0 – 6.4	3.5 – 4.9	<3.5
Hình thức bài trình	10%	Đẹp, lưu loát	Đẹp, không lưu loát	Không đẹp, không lưu loát	Không đẹp, không lưu loát	Không đẹp, không lưu loát

Nội dung bài trình	60%	Tự tin, nhanh	Chưa tự tin	Chậm	Rất chậm	Rất chậm
Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi thảo luận	30%	Tích cực đưa ra vấn đề cần giải quyết, trả lời đúng yêu cầu	Tích cực đưa ra vấn đề cần giải quyết, trả lời chưa đúng yêu cầu	Không đưa ra vấn đề cần giải quyết, trả lời chưa đúng yêu cầu	Không đưa ra vấn đề cần giải quyết, trả lời chưa đúng yêu cầu	Không đưa ra vấn đề cần giải quyết, trả lời chưa đúng yêu cầu

**Rubric 3: Đánh giá kết thúc học phần**

Loại kiểm tra	Cơ sở đánh giá	Điểm				
		>8	6.5 – 7.9	5.0 – 6.4	3.5 – 4.9	<3.5
<b>Tự luận</b>	Dựa vào tỷ lệ % trả lời đúng nội dung yêu cầu	Trả lời đúng 75-100% nội dung	Trả lời đúng 60-75% nội dung	Trả lời đúng 50-60% nội dung	Trả lời đúng 25 - 50% nội dung	Trả lời đúng < 25% nội dung
<b>Trắc nghiệm</b>	Dựa vào tỷ lệ % trả lời đúng nội dung yêu cầu	Trả lời đúng 85-100% số câu	Trả lời đúng 70-85% số câu	Trả lời đúng 60-70% số câu	Trả lời đúng 40 - 60% nội dung	Trả lời đúng < 40% nội dung

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (CẢN KHỚP HỌC)**

### **1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN**

Mã học phần: RH0607

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 75

Lý thuyết: 30

Thực hành: 45

Số giờ tự học (tiết): 90

Đối tượng người học (dự kiến): *SV RHM năm thứ 4*

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Giải phẫu răng, mô phỏng lâm sàng

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Liên bộ môn Nha cơ sở - Nha công cộng - Khoa RHM.

### **2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành. Cản khớp học giúp sinh viên hiểu rõ cơ sở hình thái học và hình thái chức năng của hệ thống nhai nhằm nghiên cứu sâu hơn về hoạt động và mối liên hệ giữa các thành phần của hệ thống nhai: bình thường, bất thường, bệnh lý. Phần thực hành gồm khám các thành phần của hệ thống nhai và nhận diện ra các bất thường của cơ hàm, khớp thái dương hàm, khớp cắn....dẫn đến tình trạng đau loạn năng hệ thống nhai. Qua đó rèn luyện kỹ năng cho sinh viên cách mài chỉnh khớp cắn để điều trị bệnh lý hệ thống nhai do cản trở khớp cắn.

### **3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE OBJECTIVES – COs)**

**Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:**

1. Mô tả được giải phẫu chức năng của hệ thống nhai.
2. Khám và phát hiện các bất thường ở các thành phần hệ thống nhai.
3. Sử dụng được giá khớp và mài chỉnh các cản trở khớp cắn trong điều trị cơ bản bệnh lý đau loạn năng hệ thống nhai.

### **4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES - CLOs)**

<b>TT</b>	<b>Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)</b>	<b>Thang đánh giá Bloom</b>	<b>Mức độ</b>
<b>CLO1</b>	Trình bày được cấu trúc giải phẫu về	<i>Kiến thức</i>	<i>3</i>



	mặt hình thái và chức năng của hệ thống nhai		
<b>CLO2</b>	<b>Thăm khám được các cơ hàm, khớp thái dương hàm, khớp cắn trong tình trạng sinh lý và bệnh lý</b>	<i>Kiến thức</i> <i>Thái độ</i>	3
<b>CLO3</b>	<b>Mài chỉnh được các cắn trở khớp cắn trên mẫu hàm đã vô giá khớp</b>	<i>Kỹ năng</i> <i>Thái độ</i>	3

\* *Thống nhất chung 1 HP: 3 - 7 chuẩn đầu ra*

## 5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

### LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH CHUNG

STT	Nội dung	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Bài 1	Giới thiệu môn học: Cắn khớp học cơ sở	1	0	2
Bài 2	Đặc điểm, thành phần xương của hệ thống nhai	1	0	2
Bài 3	Các cơ hàm	1	0	2
Bài 4	Khớp thái dương hàm	2	0	4
Bài 5	Một số quan niệm về khớp cắn	2	0	4
Bài 6	Khái quát về vận động và vị trí của hàm dưới	2	0	4
Bài 7	Vận động biên của điểm răng cửa ghi trên mặt phẳng dọc giữa - Sơ đồ POSSELT	3	0	6
Bài 8	Vận động hàm dưới trên mặt phẳng ngang, đứng ngang	2	0	2
Bài 9	Hoạt động cận chức năng.	3	0	4
Bài 10	Vận động hàm dưới - Khía cạnh thực hành	1	0	2
Bài 11	Đại cương về điều trị cắn khớp và điều chỉnh khớp cắn	1	0	2

Bài 12	Khám khớp thái dương hàm	1	10	12
Bài 13	Khám các cơ hàm	2	10	12
Bài 14	Khám các tiếp xúc cắn khớp	3	15	10
Bài 15	Phương pháp mài chỉnh khớp cắn	4	10	20
Bài 16	Đại cương về máng nhai	1	0	2
	<b>TỔNG</b>	30	45	90

## **6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC**

**Phương pháp dạy: Giảng lý thuyết, thực hành**

**Phương pháp học: học LT, thực hành, tự học**

### **6.1. Phương pháp giảng dạy**

- **Lý thuyết:** thuyết trình, đưa tình huống lâm sàng, giải quyết theo vấn đề, chia nhóm thảo luận, hướng dẫn làm chuyên đề báo cáo theo nhóm.

- **Thực hành cơ sở: làm mẫu, xem video**

### **6.2. Phương pháp học tập của người học**

- **Học LT:** sinh viên lên lớp nghe giảng, đặt câu hỏi
- **Thực hành:** thực tập vẽ hình, tô bóng trên giấy, điêu khắc răng bằng khối thạch cao

### **6.3. Phương pháp tự học và hướng dẫn tự học**

- **tự học:** đọc tài liệu trước khi lên lớp, học nhóm, thực hiện chuyên đề
- **Hướng dẫn tự học:** cho câu hỏi nhỏ và chuyên đề

## **7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC**

**7.1. Tài liệu giảng dạy** Bộ môn Nha cơ sở - nha công cộng, Khoa RHM, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Giáo trình Cắn khớp học.*

### **7.2. Tài liệu tự học:**

1. Bộ môn Nha cơ sở - nha công cộng, Khoa RHM, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Giáo trình Cắn khớp học.*
2. Hoàng Tử Hùng (2001), *Cắn khớp học*, NXB Y Học TP.HCM.
3. ASH M.M. (1993), *Wheeler's, Dental Anatomy, Physiology and Occlusion*, 7<sup>th</sup> Edition, WB.Saunders Co, Philadelphia
4. Kaplan A.S., Assael L.A. (2012), *Temporomandibular Disorders: Diagnosis and Treatment*, W.B.Saunders Co, Philadelphia

### **7.3. Tài liệu tham khảo thêm:**

1. Trần Ngọc Quảng Phi (2018), *Cắn khớp lâm sàng và rối loạn hệ thống nhai tập 1*, NXB Y học
2. Dawson (2007), *Functional Occlusion, From TMJ to Smile Design*, Mosby
3. Okesson (2007), *Management of Temporomandibular Disorders and Occlusion*, Mosby

## 8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

**8.1. Thang điểm đánh giá:** Đánh giá theo thang điểm 10, phòng đào tạo đại học và sau đại học sẽ chuyển đổi điểm theo thang điểm 4

**8.2. Phương pháp kiểm tra tự học:** (Nêu cụ thể phương pháp kiểm tra/ đánh giá tự học như thế nào)

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
Học nhóm	Bài kiểm tra	Rubric 1	20%
Chuyên đề	Trình chuyên đề	Rubric 2	50%
Tình huống lâm sàng	Phân tích ca lâm sàng	Rubric 2	30%

### 8.3. Phương pháp đánh giá học phần

		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	<i>Điểm danh</i>	Rubric 1	10%
	Kiểm tra thường xuyên	<i>Trắc nghiệm</i>	Rubric 2	30%
		<i>Seminar</i>		
		<i>Kiểm tra tại lớp</i>		
		<i>Tình huống lâm sàng</i>		
.....				
Kết thúc học phần	Thi kết thúc	<i>Trắc nghiệm</i> <i>Tự luận</i>	Rubric 3	60%

## 9. MA TRẬN

### 9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs \ CLOs	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
CLO1	S	M	M	H	S	H	L	M	L
CLO2	M	H	S	S	M	H	S	S	S
CLO3	H	M	M	S	H	S	M	H	M

Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra

### 9.2. Ma trận tương thích phương pháp dạy – học và chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp Dạy – học \ CLOs	(1)	(2)	(3)
Bài 1	H	H	H
Bài 2	H	H	H
Bài 3	N	H	N
Bài 4	H	H	H
Bài 5	H	H	H
Bài 6	H	H	H
Bài 7	H	S	N
Bài 8	H	S	N
Bài 9	H	N	N
Bài 10	H	N	N
Bài 11	N	N	H
Bài 12	N	H	N
Bài 13	N	H	N
Bài 14	N	H	N
Bài 15	N	N	H
Bài 16	S	S	S

Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra

### 9.3. Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp Kiểm tra đánh giá \ CLOs	(1)	(2)	(3)
Seminar	H	H	N
Kiểm tra tại lớp	H	H	N
Kết quả tự học	H	H	H
tự luận trắc nghiệm	H	H	N

### 9.4. Ma trận tương thích nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra học phần

Bài giảng \ CLOs	(1)	(2)	(3)
Bài 1	H	H	H
Bài 2	H	H	H

Bài 3	N	H	N
Bài 4	H	H	H
Bài 5	H	H	H
Bài 6	H	H	H
Bài 7	H	S	N
Bài 8	H	S	N
Bài 9	H	N	N
Bài 10	H	N	N
Bài 11	N	N	H
Bài 12	N	H	N
Bài 13	N	H	N
Bài 14	N	H	N
Bài 15	N	N	H
Bài 16	S	S	S

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

### 9.5. Ma trận thể hiện phương pháp dạy học và nội dung dạy học

PP Dạy học	Thuyết trình	Seminar	Tình huống lâm sàng	....
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	X			
Bài 2	X	X	X	
Bài 3	X			
Bài 4	X	X		
Bài 5	X	X		
Bài 6	X			
Bài 7	X	X		
Bài 8	X		X	
Bài 9	X		X	
Bài 10	X		X	
Bài 11	X	X		
Bài 12	X		X	
Bài 13	X		X	
Bài 14	X		X	
Bài 15	X		X	
Bài 16	X			

### 9.6. Ma trận thể hiện phương pháp kiểm tra đánh giá và nội dung dạy học

PP Kiểm tra đánh giá	MCQ	Đánh giá tự học	Câu hỏi nhỏ	....
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	X			
Bài 2	X	X		

Bài 3	X		X	
Bài 4	X			
Bài 5	X	X		
Bài 6	X			
Bài 7		X		
Bài 8	X		X	
Bài 9	X			
Bài 10	X			
Bài 11	X			
Bài 12	X	X	X	
Bài 13	X	X	X	
Bài 14	X	X	X	
Bài 15	X	X	X	
Bài 16	X		X	

### CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

#### *Rubric 1: Đánh giá điểm chuyên cần*

STT		Tỷ lệ %	Điểm chuyên cần	
1	Số tiết trễ	< 10,0	9,5	
2		10,0 - < 20,0	9,0	
3		20,0 - < 30,0	8,5	
4		30,0 - < 40,0	7,5	
5		40,0 - < 50,0	6,5	
6		≥ 50,0	5,0	
7	Số tiết vắng	< 10,0	9,0 (P)	7,5 (KP)
8		10,0 - < 20,0	8,0 (P)	5,0 (KP)
9		20, 0 - < 25,0	7,5 (P)	0,0 (KP)
10		≥ 25,0	<i>Cấm thi lý thuyết</i>	

#### *Rubric 2: Bảng điểm seminar*

Mức	Trọng số	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm		>8	6.5 – 7.9	5.0 – 6.4	3.5 – 4.9	<3.5
Hình thức bài trình	10%	Đẹp, lưu loát	Đẹp, không lưu loát	Không đẹp, không lưu loát	Không đẹp, không lưu loát	Không đẹp, không lưu loát
Nội dung bài trình	60%	Tự tin,	Chưa tự	Chậm	Rất	Rất

		nhANH	tin		chẬM	chẬM
Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi thảo luận	30%	Tích cực đưa ra vấn đề cần giải quyết, trả lời đúng yêu cầu	Tích cực đưa ra vấn đề cần giải quyết, trả lời chưa đúng yêu cầu	Không đưa ra vấn đề cần giải quyết, trả lời chưa đúng yêu cầu	Không đưa ra vấn đề cần giải quyết, trả lời chưa đúng yêu cầu	Không đưa ra vấn đề cần giải quyết, trả lời chưa đúng yêu cầu

**Rubric 3: Đánh giá kết thúc học phần**

Loại kiểm tra	Căn cứ đánh giá	Điểm				
		>8	6.5 – 7.9	5.0 – 6.4	3.5 – 4.9	<3.5
<b>Tự luận</b>	Dựa vào tỷ lệ % trả lời đúng nội dung yêu cầu	Trả lời đúng 75-100% nội dung	Trả lời đúng 60-75% nội dung	Trả lời đúng 50-60% nội dung	Trả lời đúng 25 - 50% nội dung	Trả lời đúng < 25% nội dung
<b>Trắc nghiệm</b>	Dựa vào tỷ lệ % trả lời đúng nội dung yêu cầu	Trả lời đúng 85-100% số câu	Trả lời đúng 70-85% số câu	Trả lời đúng 60-70% số câu	Trả lời đúng 40 - 60% nội dung	Trả lời đúng < 40% nội dung

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (MÔ PHÒNG LÂM SÀNG)**

### **1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN**

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 1

Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 75

Lý thuyết: 15

Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng người học (dự kiến): *SV RHM năm thứ 3*

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Giải phẫu răng, Sinh học miệng

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Liên bộ môn Nha cơ sở - Nha công cộng - Khoa RHM.

### **2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành. Nội dung giáo trình trang bị cho sinh viên Răng Hàm Mặt các kỹ năng giao tiếp và thăm khám cơ bản để bước đầu tạo cơ hội cho sinh viên một cách hệ thống những kỹ năng giao tiếp y khoa để thiết lập mối quan hệ giữa bệnh nhân và thầy thuốc, hướng dẫn sinh viên thực hiện đúng tư thế làm việc của người bác sỹ trong thực hành Răng hàm mặt, các kỹ thuật điều trị nha khoa trên mô hình, hợp lý hoá lao động trong điều trị răng hàm mặt.

### **3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE OBJECTIVES – COs)**

**Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:**

1. Mô tả được các tư thế trong thực hành nha khoa, biết được cách sử dụng- quản lý các trang thiết bị và dụng cụ trong ngành nha khoa
2. Hiểu được cách chuẩn bị phẫu trường trong điều trị, giao tiếp trong điều trị, hợp lý hoá lao động trong nha khoa
3. Nắm được kỹ năng sử dụng ghế máy nha khoa và các trang thiết bị, lấy dấu đồ mẫu và mô phỏng một số kỹ năng lâm sàng

### **4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES - CLOs)**



<b>TT</b>	<b>Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)</b>	<b>Thang đánh giá Bloom</b>	<b>Mức độ</b>
<b>CLO1</b>	Trình bày được các tư thế trong thực hành nha khoa, sử dụng- quản lý các trang thiết bị và dụng cụ trong ngành nha khoa, giao tiếp nha khoa và hợp lý hoá lao động	<i>Kiến thức</i>	3
<b>CLO2</b>	<b>Biết được cách vận hành ghế máy và trang thiết bị nha khoa</b>	<i>Kiến thức</i> <i>Thái độ</i>	3
<b>CLO3</b>	<b>Mô phỏng các kỹ năng về chữa răng, phục hình và cấy khớp</b>	<i>Kỹ năng</i> <i>Thái độ</i>	3

\* Thống nhất chung 1 HP: 3 - 7 chuẩn đầu ra

## 5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

### LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH CHUNG

<b>Bài</b>	<b>BÀI GIẢNG</b>	<b>SỐ TIẾT</b>		
		<b>LT</b>	<b>Tự học</b>	<b>TH</b>
1	Giới thiệu môn mô phỏng tổng quát	1		
2	Chuẩn bị phẫu trường trong điều trị	2	10	
3	Sử dụng và quản lý các trang thiết bị và dụng cụ trong ngành nha khoa	8	10	10
4	Các tư thế trong thực hành nha khoa	2	10	
5	Giao tiếp trong điều trị nha khoa	1	2	
6	Hợp lý hóa lao động trong thực hành	1	3	
7	Lấy dấu đồ mẫu hàm thạch cao		5	10
8	Mô phỏng Lâm sàng phục hình		6	2
9	Mô phỏng Lâm sàng chữa răng- nha chu		8	3
10	Mô phỏng Lâm sàng Bệnh học miệng, cấy khớp		6	5
<b>Tổng cộng</b>		<b>15</b>	<b>30</b>	

## 6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

**Phương pháp dạy:** Giảng lý thuyết, thực hành

**Phương pháp học:** học LT, thực hành, tự học

### 6.1. Phương pháp giảng dạy

- **Lý thuyết:** thuyết trình, đưa tình huống lâm sàng, giải quyết theo vấn đề, chia nhóm thảo luận, hướng dẫn làm chuyên đề báo cáo theo nhóm.

- **Thực hành cơ sở: làm mẫu, xem video**

### 6.2. Phương pháp học tập của người học

- **Học LT:** sinh viên lên lớp nghe giảng, đặt câu hỏi
- **Thực hành:** thực tập vẽ hình, tô bóng trên giấy, điêu khắc răng bằng khối thạch cao

### 6.3. Phương pháp tự học và hướng dẫn tự học

- **tự học:** đọc tài liệu trước khi lên lớp, học nhóm, thực hiện chuyên đề
- **Hướng dẫn tự học:** cho câu hỏi nhỏ và chuyên đề

## 7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

1. LBM Chữa răng- tia X, khoa RHM, ĐHYD Cần Thơ (2017), giáo trình chữa răng
2. BM Phục hình, Khoa RHM, ĐHYD Cần Thơ (2017), Giáo trình phục hình răng cố định
3. LBM Nhổ răng- phẫu thuật hàm mặt, Khoa RHM, ĐHYD Cần Thơ (2017), Giáo trình phẫu thuật miệng 1.
4. LBM Nhổ răng-phẫu thuật hàm mặt, Khoa RHM, ĐHYD Cần Thơ (2017), Giáo trình phẫu thuật miệng 1.

## 8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

**8.1. Thang điểm đánh giá:** Đánh giá theo thang điểm 10, phòng đào tạo đại học và sau đại học sẽ chuyển đổi điểm theo thang điểm 4

**8.2. Phương pháp kiểm tra tự học:** (Nêu cụ thể phương pháp kiểm tra/ đánh giá tự học như thế nào)

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
Học nhóm	Bài kiểm tra	Rubric 1	20%
Chuyên đề	Trình chuyên đề	Rubric 3	50%
Tình huống lâm sàng	Phân tích ca lâm sàng	Rubric 2	30%

### 8.3. Phương pháp đánh giá học phần

		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Điểm danh	Rubric 1	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Trắc nghiệm	Rubric 2	30%
		Seminar		

		Kiểm tra tại lớp	
		Kết quả tự học	
		.....	
<b>Kết thúc học phần</b>	<b>Thi kết thúc</b>	Trắc nghiệm Tự luận	Rubric 2 60%

## 9. MA TRẬN

### 9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs \ CLOs	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>CLO1</b>	S	M	M	H	S	H	L	M	L
<b>CLO2</b>	M	H	S	S	M	H	S	S	S
<b>CLO3</b>	H	M	M	S	H	S	M	H	M

Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra

### 9.2. Ma trận tương thích phương pháp dạy – học và chuẩn đầu ra học phần

CLOs \ Phương pháp Dạy – học	(1)	(2)	(3)
Bài 1	H	H	H
Bài 2	H	H	H
Bài 3	N	H	N
Bài 4	H	H	H
Bài 5	H	H	H
Bài 6	H	H	H
Bài 7	H	S	N
Bài 8	H	S	N
Bài 9	H	N	N
Bài 10	H	N	N

Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra

### 9.3. Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra học phần

CLOs \ Phương pháp Kiểm tra đánh giá	(1)	(2)	(3)
<i>Seminar</i>	H	H	N
<i>Kiểm tra tại lớp</i>	H	H	N
<i>Kết quả tự học</i>	H	H	H
<i>tự luận trắc nghiệm</i>	H	H	N

### 9.4. Ma trận tương thích nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra học phần

<b>CLOs</b>	(1)	(2)	(3)
<b>Bài giảng</b>			
Bài 1	H	H	H
Bài 2	H	H	H
Bài 3	N	H	N
Bài 4	H	H	H
Bài 5	H	H	H
Bài 6	H	H	H
Bài 7	H	S	N
Bài 8	H	S	N
Bài 9	H	N	N
Bài 10	H	N	N

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

### 9.5. Ma trận thể hiện phương pháp dạy học và nội dung dạy học

<b>PP Dạy học</b>	<b>Thuyết trình</b>	<b>Seminar</b>	<b>Tình huống lâm sàng</b>	<b>....</b>
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	X			
Bài 2	X	X	X	
Bài 3	X			
Bài 4	X	X		
Bài 5	X	X		
Bài 6	X			
Bài 7	X	X		
Bài 8	X		X	
Bài 9	X		X	
Bài 10	X		X	

### 9.6. Ma trận thể hiện phương pháp kiểm tra đánh giá và nội dung dạy học

<b>PP Kiểm tra đánh giá</b>	<b>MCQ</b>	<b>Đánh giá tự học</b>	<b>Câu hỏi nhỏ</b>	<b>....</b>
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	X			
Bài 2	X	X		
Bài 3	X		X	
Bài 4	X			
Bài 5	X	X		
Bài 6	X			
Bài 7		X		
Bài 8	X		X	
Bài 9	X			
Bài 10	X			

**TRƯỜNG KHOA**

**TRƯỜNG BỘ MÔN**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
(VẬT LIỆU THIẾT BỊ NHA KHOA)**

**1. THÔNG TIN HỌC PHẦN**

Mã số học phần: RH0207

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 1

Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 45

Lý thuyết: 15

Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): 60

Đối tượng sinh viên (dự kiến): RHM năm thứ III

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Liên bộ môn Nha cơ sở - Nha công cộng - Khoa RHM.

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần này thuộc nhóm kiến thức ngành. Môn học Vật liệu thiết bị nha khoa nhằm giúp hướng dẫn sinh viên về cấu trúc, tính chất vật lý, tính tương hợp sinh học của các loại vật liệu được sử dụng trong nha khoa. Nêu được các chỉ định và phương pháp sử dụng từng loại vật liệu, từ đó sinh viên thao tác và sử dụng đúng, ứng dụng đúng. Ngoài ra, học phần này còn trang bị kiến thức cơ bản cho người học cách bảo trì, bảo quản các dụng cụ, vật liệu và trang thiết bị nha khoa.

**3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE OBJECTIVES – COs)**

1. Mô tả được tính chất, cấu tạo cơ bản, công dụng của các vật liệu và trang thiết bị nha khoa.

2. Sử dụng thành thạo dụng cụ, thiết bị nha khoa như tay khoan, dụng cụ chữa răng - nội nha, dụng cụ dùng trong phục hình ...

3. Kể được nguyên lý vô trùng để tránh lây nhiễm chéo và cách bảo quản trang thiết bị.

**4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES - CLOs)**

TT	Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Thang đánh giá Bloom	Mức độ
----	----------------------------------	----------------------	--------

<b>CLO1</b>	Nêu được thành phần, ưu nhược điểm– Chỉ định của từng loại vật liệu.	<i>Kiến thức</i>	3
<b>CLO2</b>	Sử dụng thành thạo dụng cụ, thiết bị nha khoa	<i>Kiến thức</i> <i>Thái độ</i>	3
<b>CLO3</b>	Hiểu rõ nguyên lý vô trùng để tránh lây nhiễm chéo và cách bảo quản trang thiết bị, vật liệu.	<i>Kiến thức</i> <i>Thái độ</i>	3

\* *Thống nhất chung 1 HP: 3 - 7 chuẩn đầu ra*

## 5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

### LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH CHUNG

STT	Nội dung	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Bài 1	Dụng cụ chữa răng, nội nha, nha chu		10	10
Bài 2	Dụng cụ labo phục hình, chỉnh nha		10	10
Bài 3	Máy ghế nha khoa - dụng cụ phẫu thuật- Implant		10	10
Bài 4	Các xi măng gắn trong phục hình	2		5
Bài 5	Composite – Glassionomer cement – Amalgam	4		8
Bài 6	Các loại chất lấy dấu: Alginate, Cao su	3		6
Bài 7	Sứ nha khoa	2		4
Bài 8	Vật liệu trám bít ống tủy - Trám tạm	2		4
Bài 9	Vật liệu phục hình: Sáp – Thạch cao	2		3
	<b>TỔNG</b>	<b>15</b>	<b>30</b>	<b>60</b>

## 6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

**Phương pháp dạy:** Giảng lý thuyết

**Phương pháp học:** học LT, thực hành, tự học

### 6.1. Phương pháp giảng dạy

- **Lý thuyết:** thuyết trình, đưa tình huống, giải quyết theo vấn đề, xem video, chia nhóm thảo luận, hướng dẫn làm chuyên đề báo cáo theo nhóm.
- Thực tập: tại phòng kỹ năng, khu lâm sàng khoa Răng Hàm Mặt. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách sử dụng và bảo quản dụng cụ và trang thiết bị nha khoa.

### 6.2. Phương pháp học tập của người học

- **Học LT:** sinh viên lên lớp nghe giảng, đặt câu hỏi

### 6.3. Phương pháp tự học và hướng dẫn tự học

- **tự học:** đọc tài liệu trước khi lên lớp, học nhóm, thực hiện chuyên đề

## 7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

**7.1. Tài liệu giảng dạy** Bộ môn Nha cơ sở - nha công cộng, Khoa RHM, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Giáo trình Vật Liệu thiết bị Nha Khoa.*

### 7.2. Tài liệu tự học:

1. Bộ môn Nha cơ sở - nha công cộng, Khoa RHM, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Giáo trình Vật Liệu thiết bị Nha Khoa.*
2. Trần Ngọc Thành (2013), *Nha khoa cơ sở Dành cho sinh viên Răng Hàm Mặt.*
3. Craig, Robert G (2004), *Dental Materials Properties and Manipulation*, 4st edition, Mosby Elsevier.
4. Manappallil, John J. (2010), *Basic Dental Materials*, 3rd edition, Jaypee Brothers Medicine Publishers LTD.

### 7.3. Tài liệu tham khảo thêm:

1. J. Anthony von Fraunhofer, *Dental Materials at a Glance*, 2nd edition, Wiley Blackwell Publishers.
2. John M. Powers, Ronald L. Sakaguchi (2006), *Craig's Restorative Dental Materials*, 6st edition, Mosby Elsevier.

## 8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

**8.1. Thang điểm đánh giá:** Đánh giá theo thang điểm 10, phòng đào tạo đại học và sau đại học sẽ chuyển đổi điểm theo thang điểm 4

**8.2. Phương pháp kiểm tra tự học:** (Nêu cụ thể phương pháp kiểm tra/ đánh giá tự học như thế nào)

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
Học nhóm	Bài kiểm tra	Rubric 1	20%
Chuyên đề	Trình chuyên đề	Rubric 3	50%
Tình huống/Giải	Phân tích tình huống	Rubric 2	30%

quyết vấn đề			
--------------	--	--	--

### 8.3. Phương pháp đánh giá học phần

		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Điểm danh	Rubric 1	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Trắc nghiệm	Rubric 2	30%
		Seminar		
		Kiểm tra tại lớp		
		Kết quả tự học		
.....				
Kết thúc học phần	Thi kết thúc	Trắc nghiệm Tự luận	Rubric 2	60%

## 9. MA TRẬN

### 9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs \ CLOs	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
CLO1	S	M	M	H	S	H	L	M	L
CLO2	M	H	S	S	M	H	S	S	S
CLO3	H	M	M	S	H	S	M	H	M

Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra

### 9.2. Ma trận tương thích phương pháp dạy – học và chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp Dạy – học \ CLOs	(1)	(2)	(3)
Bài 1	H	H	H
Bài 2	H	H	H
Bài 3	N	H	N
Bài 4	H	H	H
Bài 5	H	H	H
Bài 6	H	H	H
Bài 7	H	S	H



Bài 8	<b>H</b>	<b>S</b>	<b>H</b>
Bài 9	<b>H</b>	<b>N</b>	<b>N</b>

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

### 9.3. Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp Kiểm tra đánh giá	CLOs	(1)	(2)	(3)
	<i>Seminar</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>N</b>
<i>Kiểm tra tại lớp</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>N</b>
<i>Kết quả tự học</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
<i>tự luận trắc nghiệm</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>N</b>

### 9.4. Ma trận tương thích nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra học phần

Bài giảng	CLOs	(1)	(2)	(3)
	Bài 1	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 2	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 3	<b>N</b>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>N</b>
Bài 4	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 5	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 6	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 7	<b>H</b>	<b>S</b>	<b>S</b>	<b>N</b>
Bài 8	<b>H</b>	<b>S</b>	<b>S</b>	<b>N</b>
Bài 9	<b>H</b>	<b>N</b>	<b>N</b>	<b>N</b>

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

### 9.5. Ma trận thể hiện phương pháp dạy học và nội dung dạy học

PP Dạy học	Thuyết trình	Seminar	Tình huống lâm sàng	....
Bài giảng				
Bài 1	<b>X</b>			
Bài 2	<b>X</b>	<b>X</b>		
Bài 3	<b>X</b>			
Bài 4	<b>X</b>	<b>X</b>		
Bài 5	<b>X</b>	<b>X</b>		
Bài 6	<b>X</b>			
Bài 7	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	
Bài 8	<b>X</b>			

### 9.6. Ma trận thể hiện phương pháp kiểm tra đánh giá và nội dung dạy học

PP Kiểm tra	MCQ	Đánh giá tự	Câu hỏi nhỏ	....
-------------	-----	-------------	-------------	------

<b>đánh giá</b>		<b>học</b>		
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	<b>X</b>			
Bài 2	<b>X</b>	<b>X</b>		
Bài 3	<b>X</b>		<b>X</b>	
Bài 4	<b>X</b>			
Bài 5	<b>X</b>	<b>X</b>		
Bài 6	<b>X</b>			
Bài 7		<b>X</b>		
Bài 8	<b>X</b>		<b>X</b>	

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (SINH HỌC MIỆNG)**

### **1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN**

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 1

Lý thuyết: 1

Thực hành: 0

Phân bố thời gian (tiết): 18

Lý thuyết: 18

Thực hành: 0

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng người học (dự kiến): *SV RHM năm thứ 2*

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Liên bộ môn Nha cơ sở - Nha công cộng - Khoa RHM.

### **2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành. Giáo trình bao gồm các nội dung về đặc điểm môi trường miệng, các thành phần tích tụ trên răng, các cảm giác xúc giác, nhiệt, vị giác và sinh bệnh học mô khoáng hoá và tuỷ răng. Qua học giáo trình này sinh viên sẽ nắm được những vấn đề cơ bản về sinh học vùng miệng và lý giải được cơ chế bệnh sinh của các bệnh lý răng miệng thường gặp.

### **3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE OBJECTIVES – COs)**

**Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:**

1. Mô tả được các đặc điểm môi trường miệng.
2. Mô tả được các cảm giác vùng miệng
3. Nắm được kiến thức về sinh bệnh học các mô khoáng hoá và tuỷ răng

### **4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES - CLOs)**

<b>TT</b>	<b>Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)</b>	<b>Thang đánh giá Bloom</b>	<b>Mức độ</b>
<b>CLO1</b>	Trình bày được các đặc điểm môi trường miệng, các cảm giác vùng	<i>Kiến thức</i>	<i>3</i>

	miệng và các kiến thức về sinh bệnh học các mô khoáng hoá và tủy răng		
--	---	--	--

\* *Thông nhất chung 1 HP: 3 - 7 chuẩn đầu ra*

## 5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

### LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH CHUNG

Bài	NỘI DUNG	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
	Giới thiệu môn học			
1	Đau			2
2	Cảm giác xúc giác	4		2
3	Cảm giác nhiệt	2		2
4	Vị giác	2		2
5	Môi trường miệng	1		2
	Các thành phần tích tụ trên răng	1		2
6	Sinh bệnh học các mô khoáng hóa	2		4
7	Sinh bệnh học tủy răng	6		4
	Sinh bệnh học tủy răng(tt)			
	Sinh bệnh học mô nha chu			4
	Dinh dưỡng và sức khỏe răng miệng			2
	Quá trình tích tuổi của các mô và cơ quan của hệ thống nhai			4

## 6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

**Phương pháp dạy:** Giảng lý thuyết

**Phương pháp học:** học LT, tự học

### 6.1. Phương pháp giảng dạy

- **Lý thuyết:** thuyết trình, đưa tình huống lâm sàng, giải quyết theo vấn đề, chia nhóm thảo luận, hướng dẫn làm chuyên đề báo cáo theo nhóm.

- **Thực hành cơ sở:** làm mẫu, xem video

### 6.2. Phương pháp học tập của người học

- **Học LT:** sinh viên lên lớp nghe giảng, đặt câu hỏi

### 6.3. Phương pháp tự học và hướng dẫn tự học

- **tự học:** đọc tài liệu trước khi lên lớp, học nhóm, thực hiện chuyên đề
- **Hướng dẫn tự học:** cho câu hỏi nhỏ và chuyên đề

## 7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy Bộ môn Nha cơ sở - nha công cộng, Khoa RHM, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Giáo trình Sinh học miệng*

### 7.2. Tài liệu tự học:

1. Hoàng Tử Hùng (2010), Mô phôi răng miệng: Phôi học và mô học răng và nha chu, Ứng dụng lâm sàng, Nhà xuất bản y học, chi nhánh TP. HCM.
2. Nguyễn Thị Bích Vân (2015), Nha chu học, Nhà xuất bản y học, chi nhánh TP HCM.
3. Phạm Thị Minh Đức (2007), Sinh lý học: sách đào tạo bác sỹ đa khoa, Nhà xuất bản y học, chi nhánh TP. HCM.

## 8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

8.1. Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, phòng đào tạo đại học và sau đại học sẽ chuyển đổi điểm theo thang điểm 4

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học: (Nêu cụ thể phương pháp kiểm tra/ đánh giá tự học như thế nào)

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
Học nhóm	Bài kiểm tra	Rubric 1	20%
Chuyên đề	Trình chuyên đề	Rubric 3	50%
Tình huống lâm sàng	Phân tích ca lâm sàng	Rubric 2	30%

### 8.3. Phương pháp đánh giá học phần

		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	<i>Điểm danh</i>	Rubric 1	10%
	Kiểm tra thường xuyên	<i>Trắc nghiệm</i>	Rubric 2	30%
		<i>Seminar</i>		
		<i>Kiểm tra tại lớp</i>		
		<i>Kết quả tự học</i>		
	.....			
Kết thúc học	Thi kết thúc	<i>Trắc nghiệm</i> <i>Tự luận</i>	Rubric 2	60%

phần				
------	--	--	--	--

## 9. MA TRẬN

### 9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs \ CLOs	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>CLO1</b>	S	M	M	H	S	H	L	M	L

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho chuẩn đầu ra*

### 9.2. Ma trận tương thích phương pháp dạy – học và chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp Dạy – học \ CLOs	(1)
Bài 1	H
Bài 2	H
Bài 3	N
Bài 4	H
Bài 5	H
Bài 6	H
Bài 7	H

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

### 9.3. Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp Kiểm tra đánh giá \ CLOs	(1)
Seminar	H
Kiểm tra tại lớp	H
Kết quả tự học	H
tự luận trắc nghiệm	H

### 9.4. Ma trận tương thích nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra học phần

Bài giảng \ CLOs	(1)
Bài 1	H
Bài 2	H
Bài 3	N
Bài 4	H
Bài 5	H
Bài 6	H
Bài 7	H

Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra

### 9.5. Ma trận thể hiện phương pháp dạy học và nội dung dạy học

PP Dạy học	Thuyết trình	Seminar
<b>Bài giảng</b>		
Bài 1	X	
Bài 2	X	X
Bài 3	X	
Bài 4	X	X
Bài 5	X	X
Bài 6	X	
Bài 7	X	X

### 9.6. Ma trận thể hiện phương pháp kiểm tra đánh giá và nội dung dạy học

PP Kiểm tra đánh giá	MCQ	Đánh giá tự học	Câu hỏi nhỏ	....
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	X			
Bài 2	X	X		
Bài 3	X		X	
Bài 4	X			
Bài 5	X	X		
Bài 6	X			
Bài 7		X		

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (NHA KHOA CÔNG CỘNG)**

### **1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN**

Mã học phần: RH0204

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 2

Thực hành: 0

Phân bố thời gian (tiết): 30

Lý thuyết: 30

Thực hành: 0

Số giờ tự học (tiết): 60

Đối tượng sinh viên (dự kiến): RHM năm thứ V

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Chữa răng nội nha, Nha chu, Bệnh học miệng hàm mặt, Răng trẻ em

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Liên bộ môn Nha cơ sở - Nha công cộng - Khoa RHM.

### **2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành. Sinh viên được học các vấn đề về dịch tễ học các bệnh răng miệng, nắm được tình hình sức khỏe răng miệng chung của cộng đồng Việt Nam cũng như trên thế giới; các phương pháp điều tra sức khỏe răng miệng nhằm phục vụ cho học tập, nghiên cứu và ứng dụng cộng đồng sau này; các chương trình chăm sóc sức khỏe răng miệng cũng như các biện pháp nha khoa phòng ngừa như giáo dục sức khỏe răng miệng: cách chải răng, sử dụng kem đánh răng có Fluor, kỹ thuật trám răng không sang chấn, điều trị khẩn để phòng ngừa bệnh răng miệng và tăng cường sức khỏe răng miệng cho cộng đồng.

### **3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE OBJECTIVES – COs)**

1. Giải thích được nguyên lý và mục tiêu của các chương trình nha công cộng.
2. Nêu được dịch tễ học của các bệnh răng miệng thường gặp.
3. Thiết kế được các phương pháp nghiên cứu sức khỏe răng miệng.
4. Ứng dụng được các biện pháp phòng ngừa bệnh răng miệng cho cá nhân và cộng đồng.



#### 4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES - CLOs)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Thang đánh giá Bloom	Mức độ
CLO1	Nêu và vận dụng được các chương trình can thiệp của nha công cộng.	<i>Kiến thức</i>	3
CLO2	Phân tích các yếu tố dịch tễ học của bệnh sâu răng và nha chu.	<i>Kiến thức</i> <i>Thái độ</i>	3
CLO3	Hiểu và ứng dụng các biện pháp để đảm bảo giá trị và độ tin cậy của dữ liệu thu thập được khi thực hiện điều tra cơ bản sức khỏe răng miệng.	<i>Kiến thức</i> <i>Thái độ</i>	3
CLO4	Xây dựng được một phiếu điều tra để nghiên cứu cơ bản sức khỏe răng miệng.	<i>Kiến thức</i> <i>Thái độ</i>	3

\* Thống nhất chung 1 HP: 3 - 7 chuẩn đầu ra

#### 5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

##### LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH CHUNG

STT	Nội dung	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Bài 1	Dịch tễ học các bệnh răng miệng	5		5
Bài 2	Các chương trình về nha công cộng	5		10
Bài 3	Điều tra cơ bản sức khỏe răng miệng.	4		5
Bài 4	Phiếu điều tra.	5		5
Bài 5	Xử lý kết quả điều tra.	5		10
Bài 6	Phòng ngừa bệnh sâu răng.	3		10

Bài 7	Phòng ngừa bệnh nha chu.	2		10
Bài 8	Phòng ngừa các bệnh răng miệng khác	1		5
	TỔNG	30	0	60

## 6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

**Phương pháp dạy:** Giảng lý thuyết

**Phương pháp học:** học LT, tự học

### 6.1. Phương pháp giảng dạy

- **Lý thuyết:** thuyết trình, đưa tình huống, giải quyết theo vấn đề, xem video, chia nhóm thảo luận, hướng dẫn làm chuyên đề báo cáo theo nhóm.

### 6.2. Phương pháp học tập của người học

- **Học LT:** sinh viên lên lớp nghe giảng, đặt câu hỏi

### 6.3. Phương pháp tự học và hướng dẫn tự học

- **tự học:** đọc tài liệu trước khi lên lớp, học nhóm, thực hiện chuyên đề

## 7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

**7.1. Tài liệu giảng dạy** Bộ môn Nha cơ sở - nha công cộng, Khoa RHM, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Giáo trình Nha Khoa Công Cộng*

### 7.2. Tài liệu tự học:

1. Bộ môn Nha cơ sở - nha công cộng, Khoa RHM, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Giáo trình Nha Khoa Công Cộng* .
2. Trần Đức Thành (2012), *Nha khoa công cộng*, Nhà xuất bản y học, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
3. World health organization (2013), *Oral Health Surveys – Basic methods 5<sup>th</sup> Edition*.
4. *CM Marya (2011), Text book of Public Health Dentistry, Jaypee Brothers Medical Publisher.*

### 7.3. Tài liệu tham khảo thêm:

3. Lê Trang (2008), *Các bệnh răng miệng thường gặp: cách phát hiện và điều trị*, Nhà xuất bản y học, chi nhánh Hà Nội.
4. Mayur Nath Reddy (2017), *Basic Package Oral health Care: An Insight*.
5. Poul Erik Peterson (2008), “Oral cancer prevention and control – The approach of the World Health Organization”, *Oral Oncology*, Elsevier.



<b>CLO1</b>	S	M	M	H	S	H	L	M	L
<b>CLO2</b>	M	H	S	S	M	H	S	S	S
<b>CLO3</b>	H	M	M	S	H	S	M	H	M

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

### 9.2. Ma trận tương thích phương pháp dạy – học và chuẩn đầu ra học phần

<b>CLOs</b>	(1)	(2)	(3)
<b>Phương pháp Dạy – học</b>			
Bài 1	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 2	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 3	<b>N</b>	<b>H</b>	<b>N</b>
Bài 4	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 5	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 6	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 7	<b>H</b>	<b>S</b>	<b>H</b>
Bài 8	<b>H</b>	<b>S</b>	<b>H</b>

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

### 9.3. Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra học phần

<b>CLOs</b>	(1)	(2)	(3)
<b>Phương pháp Kiểm tra đánh giá</b>			
<i>Seminar</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>N</b>
<i>Kiểm tra tại lớp</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>N</b>
<i>Kết quả tự học</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
<i>tự luận</i> <i>trắc nghiệm</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>N</b>

### 9.4. Ma trận tương thích nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra học phần

<b>CLOs</b>	(1)	(2)	(3)
<b>Bài giảng</b>			
Bài 1	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 2	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 3	<b>N</b>	<b>H</b>	<b>N</b>
Bài 4	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 5	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 6	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 7	<b>H</b>	<b>S</b>	<b>N</b>
Bài 8	<b>H</b>	<b>S</b>	<b>N</b>

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

### 9.5. Ma trận thể hiện phương pháp dạy học và nội dung dạy học

<b>PP Dạy học</b>	<b>Thuyết trình</b>	<b>Seminar</b>	<b>Tình huống lâm sàng</b>	<b>....</b>
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	X			
Bài 2	X	X		
Bài 3	X			
Bài 4	X	X		
Bài 5	X	X		
Bài 6	X			
Bài 7	X	X	X	
Bài 8	X			

**9.6. Ma trận thể hiện phương pháp kiểm tra đánh giá và nội dung dạy học**

<b>PP Kiểm tra đánh giá</b>	<b>MCQ</b>	<b>Đánh giá tự học</b>	<b>Câu hỏi nhỏ</b>	<b>....</b>
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	X			
Bài 2	X	X		
Bài 3	X		X	
Bài 4	X			
Bài 5	X	X		
Bài 6	X			
Bài 7		X		
Bài 8	X		X	

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (NHA KHOA DỰ PHÒNG VÀ PHÁT TRIỂN)**

### **1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN**

Mã học phần: RH0607

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 1

Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 75

Lý thuyết: 30

Thực hành: 45

Số giờ tự học (tiết): 90

Đối tượng người học (dự kiến): *SV RHM năm thứ 4*

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Liên bộ môn Nha cơ sở - Nha công cộng - Khoa RHM.

### **2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành. Giáo trình giúp người học hiểu và vận dụng các biện pháp dự phòng các bệnh răng miệng thường gặp, thực hiện được nghiên cứu điều tra chẩn đoán tình trạng sức khỏe cộng đồng cũng như thực hiện công tác dự phòng và chăm sóc sức khỏe răng miệng cho cộng đồng theo các chương trình cộng đồng, thực hiện các thủ thuật điều trị và dự phòng trên răng trẻ em ở tại phòng nha và cộng đồng

### **3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE OBJECTIVES – COs)**

**Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:**

1. Mô tả được những thay đổi của mô răng miệng do tuổi tác, chiến lược chăm sóc răng miệng cho người cao tuổi
2. Hiểu được các bước kiểm soát lây nhiễm nha khoa, giáo dục sức khỏe răng miệng

cho cộng đồng, và các bước Sealant trám bít hố rãnh

#### 4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES - CLOs)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Thang đánh giá Bloom	Mức độ
CLO1	Trình bày được những thay đổi của mô răng miệng do tuổi tác, chiến lược chăm sóc răng miệng cho người cao tuổi, Sealant trám bít hố rãnh, giáo dục skrm và kiểm soát lây nhiễm nha khoa	Kiến thức	3
CLO2	Khám và điều trị dự phòng cho trẻ em ở trường Tiểu học Mỹ Khánh	Kiến thức Thái độ	3

\* Thống nhất chung 1 HP: 3 - 7 chuẩn đầu ra

#### 5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

##### LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH CHUNG

STT	Nội dung	Số tiết		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Bài 1	Những thay đổi của mô răng miệng do tuổi tác	4		2
Bài 2	Chiến lược chăm sóc răng miệng cho người cao tuổi	4		2
Bài 3	Sealant trám bít hố rãnh	10		2
Bài 4	Giáo dục sức khỏe răng miệng cho cộng đồng	2		4
Bài 5	Kiểm soát lây nhiễm nha khoa	10		4
	TỔNG	30	45	90

#### 6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Phương pháp dạy: Giảng lý thuyết, thực hành

Phương pháp học: học LT, thực hành, tự học

##### 6.1. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, đưa tình huống lâm sàng, giải quyết theo vấn đề, chia nhóm thảo luận, hướng dẫn làm chuyên đề báo cáo theo nhóm.

- Thực hành cơ sở: làm mẫu, xem video

## 6.2. Phương pháp học tập của người học

- **Học LT:** sinh viên lên lớp nghe giảng, đặt câu hỏi
- **Thực hành:** thực tập vẽ hình, tô bóng trên giấy, điêu khắc răng bằng khối thạch cao

## 6.3. Phương pháp tự học và hướng dẫn tự học

- **tự học:** đọc tài liệu trước khi lên lớp, học nhóm, thực hiện chuyên đề
- **Hướng dẫn tự học:** cho câu hỏi nhỏ và chuyên đề

## 7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

1. Lê Trang (2008), Các bệnh răng miệng thường gặp: cách phát hiện và điều trị, Nhà xuất bản Y học, chi nhánh Hà nội

2. Trần Đức Thành (2012), Nha khoa công cộng, Nhà xuất bản Y học, chi nhánh TP Hồ Chí Minh

3. Mayur Nath Reddy (2017), Basic Package Oral Health Care: An insight

## 8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

**8.1. Thang điểm đánh giá:** Đánh giá theo thang điểm 10, phòng đào tạo đại học và sau đại học sẽ chuyển đổi điểm theo thang điểm 4

**8.2. Phương pháp kiểm tra tự học:** (Nêu cụ thể phương pháp kiểm tra/ đánh giá tự học như thế nào)

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
Học nhóm	Bài kiểm tra	Rubric 1	20%
Chuyên đề	Trình chuyên đề	Rubric 3	50%
Tình huống lâm sàng	Phân tích ca lâm sàng	Rubric 2	30%

## 8.3. Phương pháp đánh giá học phần

		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá	Chuyên cần	Điểm danh	Rubric 1	10%
	Kiểm tra	Trắc nghiệm	Rubric 2	30%



<b>trình</b>	<b>thường xuyên</b>	<i>Seminar</i>		
		<i>Kiểm tra tại lớp</i>		
		<i>Kết quả tự học</i>		
		.....		
<b>Kết thúc học phần</b>	<b>Thi kết thúc</b>	<i>Trắc nghiệm</i> <i>Tự luận</i>	Rubric 2	60%

## 9. MA TRẬN

### 9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra ngành đào tạo

<b>PLOs</b>	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>CLOs</b>									
<b>CLO1</b>	S	M	M	H	S	H	L	M	L
<b>CLO2</b>	M	H	S	S	M	H	S	S	S
<b>CLO3</b>	H	M	M	S	H	S	M	H	M

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

### 9.2. Ma trận tương thích phương pháp dạy – học và chuẩn đầu ra học phần

<b>CLOs</b>	(1)	(2)	(3)
<b>Phương pháp Dạy – học</b>			
Bài 1	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 2	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 3	<b>N</b>	<b>H</b>	<b>N</b>
Bài 4	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 5	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

### 9.3. Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra học phần

<b>CLOs</b>	(1)	(2)	(3)
<b>Phương pháp Kiểm tra đánh giá</b>			
<i>Seminar</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>N</b>
<i>Kiểm tra tại lớp</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>N</b>
<i>Kết quả tự học</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
<i>tự luận</i> <i>trắc nghiệm</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>N</b>

### 9.4. Ma trận tương thích nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra học phần

<b>CLOs</b>	(1)	(2)	(3)
<b>Bài giảng</b>			
Bài 1	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 2	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>

Bài 3	N	H	N
Bài 4	H	H	H
Bài 5	H	H	H

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

### 9.5. Ma trận thể hiện phương pháp dạy học và nội dung dạy học

PP Dạy học	Thuyết trình	Seminar	Tình huống lâm sàng	....
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	X			
Bài 2	X	X	X	
Bài 3	X			
Bài 4	X	X		
Bài 5	X	X		

### 9.6. Ma trận thể hiện phương pháp kiểm tra đánh giá và nội dung dạy học

PP Kiểm tra đánh giá	MCQ	Đánh giá tự học	Câu hỏi nhỏ	....
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	X			
Bài 2	X	X		
Bài 3	X		X	
Bài 4	X			
Bài 5	X	X		

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
(TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ BÁC SĨ RĂNG HÀM MẶT)**

**1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN**

Mã học phần: RH0005

Tổng số tín chỉ: 1

Lý thuyết: 1

Thực hành: 0

Phân bố thời gian: 15 tiết

Lý thuyết: 15 tiết

Thực hành: 0

Số tiết tự học: 30

Đối tượng sinh viên (dự kiến): RHM năm thứ VI

Học phần tiên quyết: Kiến thức cơ sở ngành

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Liên bộ môn Nha cơ sở - Nha công cộng - Khoa RHM.

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Đây là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành. Học phần giới thiệu một số nội dung của luật khám bệnh, chữa bệnh nhằm giúp người học hiểu rõ trách nhiệm và quyền lợi cũng như tổ chức hành nghề khám chữa bệnh đúng pháp luật. Sinh viên tham khảo luật khám bệnh, chữa bệnh, thông tư về hành nghề y.

**3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE OBJECTIVES – COs)**

1. Nêu được các chính sách của Nhà nước về khám bệnh, chữa bệnh.
2. Liệt kê được hình thức tổ chức và điều kiện hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
3. Trình bày các điều kiện đảm bảo công tác khám bệnh, chữa bệnh.

**4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES - CLOs)**

<b>TT</b>	<b>Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)</b>	<b>Thang đánh giá Bloom</b>	<b>Mức độ</b>
<b>CLO1</b>	Nêu được hình thức tổ chức và điều kiện hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	<i>Kiến thức</i>	3
<b>CLO2</b>	Thực hiện được quyền và trách nhiệm của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	<i>Kiến thức</i> <i>Thái độ</i>	3
<b>CLO3</b>	Thực hiện được trách nhiệm của người hành nghề, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi xảy ra tai biến trong khám bệnh, chữa bệnh	<i>Kiến thức</i> <i>Thái độ</i>	3

\* Thống nhất chung 1 HP: 3 - 7 chuẩn đầu ra

## **5. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

### **LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH CHUNG**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>		
		<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Tự học</b>
Bài 1	Chính sách của Nhà nước về khám bệnh, chữa bệnh	3		5
Bài 2	Hình thức tổ chức và điều kiện hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	4		5
Bài 3	Quyền và trách nhiệm của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	3		5
Bài 4	Các qui định kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh	4		5
Bài 5	Trách nhiệm của người hành nghề, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi xảy ra tai biến trong khám bệnh, chữa bệnh	1		10
	<b>TỔNG</b>	15	0	30

## **6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC**

**Phương pháp dạy: Giảng lý thuyết**

**Phương pháp học: học LT, tự học**

### 6.1. Phương pháp giảng dạy

- **Lý thuyết:** thuyết trình, đưa tình huống, giải quyết theo vấn đề, xem video, chia nhóm thảo luận, hướng dẫn làm chuyên đề báo cáo theo nhóm.

### 6.2. Phương pháp học tập của người học

- **Học LT:** sinh viên lên lớp nghe giảng, đặt câu hỏi

### 6.3. Phương pháp tự học và hướng dẫn tự học

- **tự học:** đọc tài liệu trước khi lên lớp, học nhóm, thực hiện chuyên đề

## 7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

**7.1. Tài liệu giảng dạy** Bộ môn Nha cơ sở - nha công cộng, Khoa RHM, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Giáo trình Tổ chức hành nghề bác sỹ Răng Hàm Mặt*

### 7.2. Tài liệu tự học:

5. Bộ môn Nha cơ sở - nha công cộng, Khoa RHM, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Giáo trình Tổ chức hành nghề bác sỹ Răng Hàm Mặt.*
6. Bộ Y Tế (2013), *Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh – Chuyên ngành Răng Hàm Mặt*, quyết định số 3207/QĐ-BYT

### 7.3. Tài liệu tham khảo thêm:

7. Bộ Y Tế (2006), *Pháp lệnh về hành nghề y, dược tư nhân và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
8. Quốc hội khóa XII (2009), *Luật khám bệnh, chữa bệnh*, số 40/2009/QH12.

## 8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

**8.1. Thang điểm đánh giá:** Đánh giá theo thang điểm 10, phòng đào tạo đại học và sau đại học sẽ chuyển đổi điểm theo thang điểm 4

**8.2. Phương pháp kiểm tra tự học:** (Nêu cụ thể phương pháp kiểm tra/ đánh giá tự học như thế nào)

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
Học nhóm	Bài kiểm tra	Rubric 1	20%
Chuyên đề	Trình chuyên đề	Rubric 3	50%
Tình huống/Giải quyết vấn đề	Phân tích tình huống	Rubric 2	30%

### 8.3. Phương pháp đánh giá học phần

		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Điểm danh	Rubric 1	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Trắc nghiệm	Rubric 2	30%
		Seminar		
		Kiểm tra tại lớp		
		Kết quả tự học		
.....				
Kết thúc học phần	Thi kết thúc	Trắc nghiệm Tự luận	Rubric 2	60%

## 9. MA TRẬN

### 9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs \ CLOs	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
CLO1	S	M	M	H	S	H	L	M	L
CLO2	M	H	S	S	M	H	S	S	S
CLO3	H	M	M	S	H	S	M	H	M

Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra

### 9.2. Ma trận tương thích phương pháp dạy – học và chuẩn đầu ra học phần

CLOs \ Phương pháp Dạy – học	(1)	(2)	(3)
Bài 1	H	H	H
Bài 2	H	H	H
Bài 3	N	H	N
Bài 4	H	H	H
Bài 5	H	H	H
Bài 6	H	H	H
Bài 7	H	S	H
Bài 8	H	S	H

Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra

### 9.3. Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra học phần

CLOs \ Phương pháp Kiểm tra đánh giá	(1)	(2)	(3)
Seminar	H	H	N

<i>Kiểm tra tại lớp</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>N</b>
<i>Kết quả tự học</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
<i>tự luận trắc nghiệm</i>	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>N</b>

#### 9.4. Ma trận tương thích nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra học phần

<b>CLOs</b>	(1)	(2)	(3)
<b>Bài giảng</b>			
Bài 1	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 2	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 3	<b>N</b>	<b>H</b>	<b>N</b>
Bài 4	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>
Bài 5	<b>H</b>	<b>H</b>	<b>H</b>

*Ghi chú: N (Non support): Không đóng góp cho Chuẩn đầu ra; S (Support): Đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support): Đóng góp nhiều cho Chuẩn đầu ra*

#### 9.5. Ma trận thể hiện phương pháp dạy học và nội dung dạy học

<b>PP Dạy học</b>	<b>Thuyết trình</b>	<b>Seminar</b>	<b>Tình huống lâm sàng</b>	<b>....</b>
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	<b>X</b>			
Bài 2	<b>X</b>	<b>X</b>		
Bài 3	<b>X</b>			
Bài 4	<b>X</b>	<b>X</b>		
Bài 5	<b>X</b>	<b>X</b>		

#### 9.6. Ma trận thể hiện phương pháp kiểm tra đánh giá và nội dung dạy học

<b>PP Kiểm tra đánh giá</b>	<b>MCQ</b>	<b>Đánh giá tự học</b>	<b>Câu hỏi nhỏ</b>	<b>....</b>
<b>Bài giảng</b>				
Bài 1	<b>X</b>			
Bài 2	<b>X</b>	<b>X</b>		
Bài 3	<b>X</b>		<b>X</b>	
Bài 4	<b>X</b>			
Bài 5	<b>X</b>	<b>X</b>		

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**